

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2018/HS-ST**
Ngày 29 - 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái

Ông Nguyễn Văn Chuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2018/TLST- HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Phạm Văn T - Sinh năm: 1981 tại Nam Định.

Nơi đăng ký HKTT: Xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Trú tại: Tổ 5, Khu phố 5, Phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T1 (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T, Chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị H - Sinh năm 1983; Có 02 con lớn sinh năm 2006; Nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017, bị tạm giam từ ngày 18/12/2017 đến nay. Có mặt;

Người bị hại: Anh Trần Văn Đ - Sinh năm: 1978.

Trú tại: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h30' ngày 23/06/2002, Phạm Văn T đi xe đạp từ nhà đến nhà ông Trần Văn D ở xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định với mục đích tìm hiểu yêu đương chị Trần Thị B là con gái ông D. Khi đi T mang theo con dao gấp mũi nhọn bằng kim loại. Khoảng 22h cùng ngày, T từ nhà ông D ra về. Khi T đạp xe đến đoạn ngã ba cách nhà ông D khoảng 100m về phía Bắc thì xảy ra va chạm giữa xe đạp do Phạm Văn T điều khiển với anh Trần Văn Đ đang trên đường. Hai bên xảy ra xô xát lời qua tiếng lại dẫn đến đánh nhau, anh Đ bỏ chạy vào đường dong ngỗ lên phía nhà bà Á, ông D. Khi đến ngõ vào nhà bà Á, T rút dao nhọn đâm về phía trước một nhát thì trúng vào vùng bụng trái anh Đ, rồi vứt xe đạp ở đó bỏ chạy vào nhà ông Trần Văn D. Anh Trần Văn Đ bị thương ở bụng, dùng tay ôm vết thương và con dao nhọn mà T vừa đâm chạy vào nhà chị Lê Thị H là y sỹ trạm y tế xã V cách nơi xảy ra đánh nhau khoảng 50m và được chị H và quần chúng nhân dân băng bó vết thương và đưa đi cấp cứu. Hậu quả anh Đ bị thương ở vùng bụng bên trái (vết thương thận trái, đại tràng góc lách) phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định từ ngày 24/6/2002 đến 09/7/2002.

Vật chứng thu giữ: 01 con dao bằng kim loại có đặc điểm dao gấp dài 25cm; phần lưỡi nhọn rộng 2cm, dài 12cm; 01 chiếc xe đạp nam cũ.

Bản giám định pháp y về thương tích số 04 ngày 09/01/2003 của tổ chức giám định pháp y tỉnh Nam Định kết luận: Tỷ lệ thương tật của anh Trần Văn Đ là 50% (Năm mươi phần trăm).

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, lợi dụng sơ hở của Công an xã V, Phạm Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan CSĐT Công an huyện Trực Ninh ra Quyết định truy nã số 02 ngày 04/09/2002 đối với Phạm Văn T.

Ngày 28/10/2002, Cơ quan CSĐT Công an huyện Trực Ninh ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án số 06 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 01 đối với bị can Phạm Văn T.

Ngày 11/12/2017, Phạm Văn T đã đến Công an phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội để đầu thú.

Quá trình điều tra, Phạm Văn T khai: Khoảng 22h ngày 23/6/2002, sau khi rời khỏi nhà ông Trần Văn D, T đạp xe về đến ngã ba đường dong thuộc đường trục xóm N cách nhà ông D khoảng 100m về phía Nam thì bị 06 thanh niên không rõ tên tuổi, địa chỉ ở đâu chặn lại gây sự, dùng quả chùy lẳng làm T xước da chảy máu ở vai, dùng dao đâm làm T bị thương rách da ngón tay cái, ngón trỏ của bàn tay trái. Cơ quan CSĐT Công an huyện Trực Ninh đã điều tra xác minh nhưng không có căn cứ để kết luận nội dung trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đ yêu cầu T phải bồi thường toàn bộ chi phí do hành vi phạm tội đã gây cho anh; Phạm Văn T đã nhờ bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của T bồi thường, hai bên đã tự thoả thuận bồi thường số tiền 100.000.000 đồng. Anh Đ đã nhận đủ số tiền trên và có đơn đề nghị cơ quan pháp luật xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Văn T và không yêu cầu T bồi thường thêm.

Đối với chiếc xe đạp nam cũ của Phạm Văn T sử dụng tới ngày 23/6/2002, là tài sản chung của gia đình. Hiện cơ quan CSĐT Công an huyện Trục Ninh đã trả lại cho bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm được đoàn tụ cùng gia đình, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai đề nghị cơ quan pháp luật xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Cáo trạng số 31/CT-VKS-KSĐT ngày 07 tháng 5 năm 2018 của VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị Phạm Văn T về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BBHS, xử phạt Phạm Văn T từ 48 - 54 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLHS: Tịch thu tiêu huỷ tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 dao nhọn bằng kim loại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ đã trực tiếp xâm hại tới sức khỏe của con người - Là quan hệ xã hội thuộc khách thể được BLHS ghi nhận và bảo vệ, ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc gây thương tích cho người khác là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy để đảm bảo trật tự pháp luật, răn đe giáo dục tình hình tội phạm việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là điều cần thiết.

Hành vi phạm tội của Bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại CQCSĐT, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ như: Biên bản ghi lời khai của người làm chứng; Kết luận giám định.

Từ những chứng cứ nêu trên - HĐXX nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi cố ý gây thương tích cho anh Trần Văn Đ ngày 23 tháng 6 năm 2002 của bị cáo Phạm Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” - Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 và khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 thì hình phạt đối với tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 nhẹ hơn hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999. Do vậy hành vi nêu trên của Phạm Văn T được xử lý theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015.

Bị cáo đã có hành vi dùng dao là một loại hung khí nguy hiểm, mặc dù thương tích của người bị hại là 50% bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015.

Do vậy việc VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 134 BLHS tại bản Cáo trạng số 31/QĐ-KSĐT ngày 07 tháng 5 năm 2018 và là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra - HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt tương đối nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tác dụng giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc tới tình tiết: Bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã tích cực tác động để gia đình bồi thường và gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; đã đầu thú, bị cáo có thời gian cống hiến trong quân đội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, người bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo - Để giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để vừa thể hiện tính nhân đạo, công bằng của pháp luật XHCN, vừa đảm bảo tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo.

HĐXX thấy có thể áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo đề nghị của đại diện VKSND huyện Trực Ninh tại phiên toà.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Trần Văn Đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ chi phí do hành vi phạm tội đã gây ra. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tích cực tác động để gia đình bồi thường và bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của

T đã thoả thuận với anh Đ bồi thường số tiền 100.000.000 đồng. Anh Đ đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng là công cụ thực hiện tội phạm cần tịch thu tiêu hủy. Quá trình điều tra xác định những tài sản không liên quan đến vụ án nên CQCSĐT đã trả lại bị cáo. Xét thấy việc xử lý vật chứng của CQCSĐT là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS năm 2015: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt Phạm Văn T 52 (Năm mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2017.

2. Vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 dao nhọn bằng kim loại dài 25cm. (Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao giữa CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định ngày 11 tháng 5 năm 2018).

3. Án phí Hình sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng.

Bị cáo Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc hoặc được tổng đạt Bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật .

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định + huyện Trực Ninh: 2 bản;
- Công an huyện Trực Ninh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh: 1 bản;
- UBND xã L: 1 bản
- Bị cáo: 1 bản;
- Hồ sơ vụ án 2 bản;
- Lưu: VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Thái Hà